

## TẬP QUÁN TRONG SINH ĐẼ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI DAO QUẦN CHỆT Ở XÃ TU LÝ, HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HOÀ BÌNH

NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT

**T**ập quán trong sinh đẻ là vốn tri thức dân gian được tích lũy và trao truyền qua các thế hệ. Nó không chỉ phản ánh nhận thức về môi trường sống, ước vọng của mỗi tộc người, mà nó còn chứa đựng những kinh nghiệm dân gian vô cùng quý giá trong chăm sóc sức khoẻ bà mẹ khi mang thai, sinh đẻ và trẻ sơ sinh.

Dân tộc Dao có dân số tương đối đông, đứng hàng thứ 9 trong danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam, họ cư trú rải rác trên địa bàn rộng thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc. Mỗi nhóm Dao cư trú ở địa phương khác nhau có phong tục, tập quán khác nhau. Bài viết này tôi xin giới thiệu về tập quán trong sinh đẻ, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, đặc biệt là sức khoẻ của bà mẹ và trẻ em theo phương pháp truyền thống, và y học hiện đại trong chăm sóc sức khoẻ cộng đồng người Dao Quần Chẹt ở xã Tu Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình.

Nhiều công trình nghiên cứu về dân số, kinh tế, hôn nhân - gia đình, trang phục, nhà cửa, nghi lễ đời người..., của người Dao, như: *Người Dao ở Việt Nam* (Bế Viết Đăng, và các tác giả.1971), *Văn hoá truyền thống người Dao ở Hà Giang* (Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý (chủ biên). 1994), *Phụ nữ Dao Tiên với những tập quán liên quan đến sinh đẻ và nuôi con* (Lý Hành Sơn, Hoàng Minh Lợi.1995), *Một số tập quán sinh đẻ và nuôi con của người Dao ở Hà Giang* (Phạm Quang Hoan. 1998),...

Về người Dao Quần Chẹt ở xã Tu Lý, cũng đã có một số công trình nghiên cứu về: dân số, y học cổ truyền và trang phục trong các bài viết: *Dân cư, dân số và lao động ở một xã miền núi tỉnh Hoà Bình* (Khổng Diễn.1996), *Vấn đề số con và số con thực tế ở gia đình người Dao xã Tu Lý, Đà Bắc, Hoà Bình* (Trần Văn Hà. 1997), *Y học cổ truyền của người Dao Quần Chẹt ở xã Tu Lý, Đà Bắc, Hoà Bình* (Trần Hồng Hạnh. 1998), *Trang phục cổ truyền của người Dao Quần Chẹt ở xã Tu Lý, Đà Bắc, Hoà Bình* (Nguyễn Anh Cường. 1998). Bài này nhằm bổ sung thêm vào kho tàng văn hoá của người Dao và góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khoẻ cộng đồng người Dao Quần Chẹt ở xã Tu Lý.

Tu Lý là một xã vùng cao, cách trung tâm huyện Đà Bắc 5 km và cách Hà Nội 110 km về phía tây bắc, phía bắc giáp xã Hào Lý, phía đông giáp xã Thịnh Lang, phía tây giáp xã Tân Minh và phía nam giáp xã Cao Sơn. Diện tích tự nhiên của xã

là 8.768 km<sup>2</sup>, trong đó đất nông nghiệp là 210 ha, đất trồng mía 150 ha, rừng trồng 112 ha và rừng khoanh nuôi bảo vệ 2500 ha.

Hệ thống đường giao thông trong xã tương đối thuận lợi. Năm 1990 tổ chức OXFAM đã hỗ trợ cải tạo đường liên thôn, liên xã, giúp cho việc giao lưu của đồng bào thêm thuận lợi. Điện lưới Quốc gia về xã năm 1995, và đến nay, nhiều gia đình đã có vô tuyến truyền hình và đài.

Thời tiết khí hậu của xã mang những đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Một năm có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 9 dương lịch và mùa khô từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Về mùa nóng thường có gió xoáy kèm theo dông, vào tháng 5 thỉnh thoảng có gió Lào. Mùa rét đến sớm và kéo dài, nhiệt độ trung bình là 19 °C, thấp nhất là 1°C. Mùa nóng nhiệt độ trung bình là 24°C, cao nhất là 34°C. Với đặc điểm khí hậu như vậy đồng bào dễ bị nhiễm bệnh, đặc biệt là các bệnh thường thấy ở vùng nhiệt đới.

Tu Lý là xã đông dân nhất huyện Đà Bắc. Dân số của xã năm 1997 là 5520 người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,66%. Trong xã có 4 dân tộc cùng sinh sống: người Mường, người Dao, người Kinh và người Tày. Xóm Mạ là xóm của người Dao Quần Chẹt duy nhất trong xã với 64 hộ, 332 nhân khẩu.

Hiện nay, người Dao đã bước đầu mở rộng cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển kinh tế hộ theo hướng sản xuất hàng hoá theo mô hình vườn rừng. Bên cạnh cây lúa là cây lương thực chủ yếu, còn có các loại cây khác chiếm vị trí quan trọng như: ngô, sắn, dong riềng, mía và mận. Nhờ có sự đầu tư của Nhà nước và sự áp dụng khoa học kỹ thuật mà đời sống người Dao trong những năm qua đã từng bước được nâng lên.

## 1. TẬP QUÁN TRONG SINH ĐẼ

Trong quan niệm truyền thống của người Dao Quần Chẹt, điều quan trọng nhất với người phụ nữ là phải có khả năng sinh đẻ và nuôi con tốt. Người Dao Quần Chẹt có câu: *Hải tào má mài cù ngoà má pây lầy* (người không con là người vô phúc). Đứa con không chỉ là niềm mong mỏi của cha mẹ, mà của cả dòng họ và cộng đồng. Con cái còn là người nối nghiệp cha ông và là chỗ dựa lúc về già của cha mẹ.

Không chỉ riêng nhóm Dao Quần Chẹt ở Tu Lý mà ở các nhóm Dao khác, họ không những mong có nhiều con, mà còn muốn có nhiều con trai. Theo tài liệu điều tra về người Dao năm 1993 cho thấy nguyện vọng sinh nhiều con và nhiều con trai đối với các cặp vợ chồng trẻ vẫn chiếm tỷ lệ cao. Có 55,88% số người được hỏi cho biết muốn sinh từ 3 con trở lên (Trần Văn Hà, 1997: 51).

Người Dao Quần Chẹt quan niệm rằng thần đất nặn ra đứa trẻ. Ông Nam Tào đem đứa trẻ từ bên âm sang bên dương để đầu thai. Bắt đầu từ đây là công việc của bà Mụ: bà thổi linh hồn vào đứa trẻ và quyết định ngày sinh tháng đẻ. Bà Mụ của người Dao Quần Chẹt giống như mẹ Bầu trong quan niệm của người Xinh Mun (Trần Bình, 1997: 56).

Người phụ nữ khi có thai được cộng đồng gọi là *tò cù ngoa* (người có con trong bụng). Trong thời gian mang thai nếu họ mơ thấy ếch nhảy vào bụng, hoặc ai cho loại quả tròn như quả táo, theo quan niệm xưa, là điềm báo sẽ đẻ con gái; nếu mơ thấy gặp rắn hoặc ai cho loại quả dài như quả chuối thì sẽ đẻ con trai; nếu mơ thấy ai cho quần áo rách, quả thối, hoặc gặp cây đổ giữa đường, sẽ là điềm dữ, thai khó được an toàn hoặc đứa trẻ sau này sẽ không khoẻ mạnh, khó nuôi, dễ bị chết yểu.

Không chỉ nhóm Dao ở đây mà hầu hết các nhóm Dao khác vẫn coi người phụ nữ khi mang thai là không “tinh khiết”, thể hiện qua một số kiêng kỵ đối với phụ nữ có thai. Người mang thai không được đến nơi đặt bàn thờ, không được tiếp xúc với thầy cúng, không được đến chỗ để hạt giống (vì sợ gieo hạt sẽ không mọc), không hái quả (lo quả sẽ rụng), không được đến chỗ ủ chàm (sợ chàm sẽ thối).

Trong thời kỳ mang thai, người phụ nữ vẫn làm các công việc như thường lệ: kiếm củi, lấy nước, lấy măng, rau rừng..., và các hoạt động trong sản xuất cùng với các thành viên khác của gia đình. Tuy nhiên họ phải kiêng một số việc như: không trèo cao và với tay cao, không đánh rắn vì sợ rằng sau này con thè lè lưỡi như rắn; không bước qua thừng trâu mà phải đi vòng hoặc chui qua vì sợ mang thai 10 tháng như trâu (chứa trâu).

Khi người vợ có thai, người chồng cũng phải kiêng một số việc như: không giết con vật nuôi, không tra cán dao, không khiêng quan tài bởi sợ vợ sẽ chữa lâu và hơi lạnh của người chết mang về sẽ không tốt cho người mẹ và thai. Nếu trong trường hợp bất đắc dĩ người chồng phải khiêng quan tài thì trước khi đi người vợ đeo vào 2 bên cổ tay chồng 2 đồng tiền xu. Lúc chôn người chết xong, khi quay về nửa đường sẽ cắt dây rút đồng xu đi.

Trong ăn uống, người phụ nữ có thai còn phải kiêng một số thức ăn như: kiêng ăn hai quả dính nhau vì sợ sinh đôi, không ăn thịt con vật chết vì sợ sau này đẻ bị thiếu máu.

Vì sợ thai to quá sẽ khó đẻ, gây nguy hiểm tính mạng của mẹ và con, nên khi mang thai người mẹ không được tắm bồn và không được nghỉ ngơi. Mặt khác, do thiếu lao động trong gia đình nên hầu hết phụ nữ có thai đều làm việc đến khi sinh con.

Theo kinh nghiệm của người Dao Quần Chẹt, để đảm bảo cho phụ nữ mang thai và thai nhi tới tận lúc sinh nở được “mẹ tròn con vuông” thì gia đình cũng phải kiêng kỵ những việc sau:

- Theo quan niệm của đồng bào, tháng giêng, tháng bảy hôn thai nhi ở cửa chính, vì thế kiêng không đào đất, không sửa chữa, đóng cọc ở cửa, sợ động thai.
- Tháng hai, tháng tám hôn thai nhi ở giữa sân: không được đào đất, không đặt vật nặng, không được đốt lửa ở khu vực này.
- Tháng ba, tháng chín hôn thai nhi ở cối giã gạo: kiêng không được đi chuyển, sửa chữa cối.
- Tháng tư, tháng mười hôn thai nhi ở bếp: không được dội nước nóng vào bếp.
- Tháng năm, tháng mười một hôn thai nhi ở buồng ngủ của mẹ: không động mạnh trong phòng, không sửa chữa hoặc đóng giường mới.
- Tháng sáu, tháng mười hai hôn thai nhi ở bụng mẹ: không ngâm quần áo của mẹ vào nước nóng và người mẹ tránh bị va ngã.

Cả gia đình phải thực hiện tốt những kiêng kỵ trên để tránh rủi ro cho đứa bé. Có như vậy khi sinh ra trẻ mới không bị sút môi, mất ngón tay, ngón chân, bong da trên người, v.v... Để nhớ những kiêng kỵ này người Dao Quần Chẹt có bài văn vắn:

<i>Cù ngoa ca</i>	<i>Bài ca về thai</i>
<i>Chi, sắt chỏi muồn chìn</i>	Tháng giêng, tháng bảy hôn thai ở cửa
<i>Nhậy, pết chỏi tổng thính</i>	Tháng hai, tháng tám hôn thai ở giữa sân
<i>Phàm, chua chỏi tòi tạp</i>	Tháng ba, tháng chín hôn thai ở cối giã gạo
<i>Phấy, chiệp chỏi dò tương</i>	Tháng tư, tháng mười hôn thai ở trong bếp
<i>Hử, chiệp dất chỏi chòng tàu</i>	Tháng năm, tháng mười một hôn thai ở buồng ngủ
<i>Lựa, chiệp nhậy chỏi puôn thiên</i>	Tháng sáu, tháng mười hai hôn thai ở bụng mẹ

Trong gia đình mẹ chồng là người có nhiều kinh nghiệm trong thai nghén và sinh đẻ. Họ thường chỉ bảo và nhắc nhở con dâu và các thành viên gia đình thực hiện nghiêm ngặt những kiêng kỵ. Những kiêng kỵ này đều nhằm mục đích đảm bảo an toàn cho người mẹ và thai nhi.

Theo tập quán truyền thống, khi người phụ nữ mang thai bị ốm, gia đình mời thầy cúng và thông qua nghi lễ bói bệnh xem do ma gì, thần gì gây nên. Để nhận biết, người Dao Quần Chẹt dùng *cảo* để xin âm dương. *Cảo* làm từ một đoạn tre có

mẫu, hơi cong và dài khoảng 15-20 cm. Mảnh cỏ có hai mặt: mặt ngoài (mặt cật) và mặt lòng (mặt lõi), khi gieo cỏ nếu hai mảnh cỏ đều úp là được.

Trong trường hợp người phụ nữ bị sảy thai nhiều lần, theo quan niệm của người Dao Quần Chẹt đó là do kiếp trước người phụ nữ mắc lỗi lầm nên kiếp này bị trừng phạt. Khi người phụ nữ có thai đến tháng thứ ba, gia đình tổ chức lễ cúng ma *thiên địa thiên đàng* để rửa lỗi lầm cho họ. Trong lễ cúng này, người ta lấy một chậu nước và trên mặt chậu có một thanh tre uốn vòng cung treo đồng tiền kẽm. Khi cúng, thầy cúng ngồi một bên và người mang thai ngồi bên kia của chậu nước. Trong khi cúng xin xá tội thầy cúng cất từng đồng xu cho rơi xuống chậu nước. Chậu nước tượng trưng cho biển cả bao la mang theo những lỗi lầm của người phụ nữ và từ đó họ trở thành người trong sạch và sẽ không bị trừng phạt nữa. Trong lễ cúng gia đình phải hứa lễ tạ ma *thiên địa thiên đàng* bằng trâu hoặc lợn, gà ngay sau khi người phụ nữ sinh.

Người Dao Quần Chẹt có nhiều kinh nghiệm trong dùng thuốc nam. Trường hợp động thai ra huyết, bài thuốc để chữa gồm có các vị thuốc sau:

*Ngông nghệ mia* (cây vạy trâu)

*Cầm chia khí* (cây mía đỏ)

*Tùng gày chặt* (cây cút lợn)

*Tập bàn khí* (cây thài lài đỏ)

*Còn chiên khênh* (cây cỏ ké dai)

*Chiu ay dùng* (cây chuối tiêu rừng)

Mỗi vị thuốc lấy một nắm lá, sắc cho thai phụ uống thay nước uống hàng ngày cho đến khi cầm máu. Theo kinh nghiệm của đồng bào, thường thai phụ chỉ cần uống 2, 3 ấm là máu ngừng chảy.

Theo tập quán truyền thống, sản phụ đẻ ngồi và đẻ ngay trong phòng ngủ của hai vợ chồng, hai tay bám vào dây thừng buộc trên quá giang nhà được người chồng chuẩn bị từ trước. Theo kinh nghiệm của người Dao Quần Chẹt nếu sản phụ đau lâu thì người ta bắt con cây cật ở dưới ruộng đốt thành than, tán nhỏ, cho vào chén hãm nước sôi cho sản phụ uống. Lúc này gia đình còn mời thầy cúng về bói xem thai xung khắc với người nào trong gia đình thì người đó phải đi sang hàng xóm chơi cho đến khi sản phụ sinh xong mới về.

Trường hợp sản phụ bị băng huyết, người Dao Quần Chẹt lấy lá cây *quyên diêm thí* (cây huyết dụ) vò nát hãm cho sản phụ uống đến khi cầm máu. Còn nếu sản phụ bị sốt rau mà người sốt, máu để có mùi hôi thì lấy rễ cây *mù hôi thá* (cây mặt trời), sắc uống hàng ngày cho đến khi hết sốt.

Để cắt rốn cho trẻ, người ta dùng cật nửa đã được ngâm trong nồi thuốc tắm cho sản phụ sau khi sinh. Phần còn lại của cuống rốn (*kỳ khía hút*) được để dài khoảng 5 cm. Theo quan niệm của đồng bào, nếu cuống rốn để ngắn quá, sau này đứa trẻ hay đái dầm. Khi cuống rốn rụng, nếu là bé gái cuống rốn sẽ gói trong giấy, dặt vào vách nhà nơi sát gian bếp, làm như vậy bé gái sau này sẽ chăm chỉ việc nhà của bếp núc. Nếu là con trai, cuống rốn được cắt vào hòm quần áo của người mẹ. Nhau thai (*viên miên*) được gói bằng lá chuối hoặc lá khoai và chôn ở nơi đất ẩm quanh nhà. Theo đồng bào, làm như vậy đứa bé luôn được ở gần người mẹ và sẽ mau lớn.

Một tháng đầu sau đẻ là thời gian ở cũ, trong khoảng thời gian này sản phụ được chăm sóc cẩn thận. Người ta phân biệt hai loại thức ăn: thức ăn lành và thức ăn độc. Sản phụ tránh những thức ăn được coi là độc vì sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ người mẹ và trẻ nhỏ qua sữa mẹ, chẳng hạn như: thịt trâu, thịt vịt, cá, đậu, đỗ, v.v... Sản phụ chỉ ăn thức ăn lành như: thịt gà, thịt lợn, muối nướng, rau bao, v.v... Thức ăn cho sản phụ được rang khô với gừng hoặc nghệ. Khi hết cử bữa đầu tiên sản phụ ăn cá, nôi cá nấu sẽ được bỏ thêm vài lát gừng và mấy lá chè cho bớt tanh.

Sản phụ tắm ngay sau đẻ. Bài thuốc để nấu nước tắm cho họ gồm những vị: *thùi liềm, dào mia, lò lao, trày gan, in bọt*, và mỗi vị lấy một nắm. Trước khi tắm, người ta múc ra một bát nước để sản phụ uống sau khi tắm xong. Cứ như vậy, sau khi tắm 3 ngày lại nghỉ 3 ngày để cơ thể điều hoà. Ám thuốc cuối cùng của ngày hết cũ, ngoài các vị vẫn dùng, còn có thêm rễ cây *mia chop* với một lượng bằng ngón chân cái. Sau khi uống ấm thuốc này, sản phụ có thể ăn tất cả các loại thức ăn mà không phải kiêng nữa. Dùng bài thuốc vừa kể sẽ làm cho người đẻ khí huyết lưu thông, nhanh sạch máu hôi trong dạ con, cứng gân xương, khu phong trừ tà, chống hậu sản, chống phù thũng, nhanh chóng hồi phục sức khoẻ. Bài thuốc này dùng tắm cho sản phụ trong một tháng đầu.

Để nâng cao sức khoẻ cho sản phụ, người Dao ở đây có món gà hầm với rượu hoẵng. Họ cho rằng, rượu làm cho người đẻ nhanh chóng hồi phục sức khoẻ, tiêu trừ máu độc, máu hôi, máu xấu trong người; không đau đầu hoa mắt, chóng mặt, chống được phong tà xâm nhập vào cơ thể.

Người ta quan niệm rằng, cơ thể sản phụ "không sạch sẽ", vì vậy trong thời gian ở cũ sản phụ không được ra nơi để bàn thờ, không gặp thầy cúng, không đến đám lễ của cộng đồng. Người Dao Quần Chẹt không kiêng người lạ vào nhà trong thời gian này, nhưng nếu có người vào chơi mà sau đứa trẻ quấy khóc, gia đình sẽ đốt vía bằng miếng giẻ quấn những lát gừng, đồng thời người mẹ sẽ nhai gừng và nhỏ nước xuống đất ở dưới nôi của đứa trẻ ba lần.

Ngoài ra, họ còn cúng nhập nhân đình cho đứa trẻ ngay sau đẻ. Sau lễ nhập nhân đình đứa trẻ được chính thức trở thành thành viên của gia đình và được gọi bằng *Muông Tít* (con gái) hoặc *Cu Đen* (con trai). Khi chưa làm lễ này, mọi thành viên trong gia đình kiêng vào nơi để hạt giống (sợ gieo hạt sẽ không mọc), trừ lúa giống, vì theo đồng bào hạt lúa là vua của muôn loài cây lương thực nên không bị ảnh hưởng.

Khi trẻ được tròn một tháng, người Dao Quần Chẹt tổ chức lễ cúng bà Mụ (*thíp pèng miên*). Lễ vật gồm có:

- Một con gà trống tơ: Con gà này nếu mới mua về phải cho nó ăn ít gạo và tãi đồng tro trong bếp để coi như là con gà của nhà. Sau khi cúng xong, người ta xem đôi chân con gà này để đoán một phần tương lai của đứa trẻ.

- Hoa mụ (*pèng gun*): nếu là con trai thì dùng 2 bông hoa đỏ và 3 bông hoa trắng; con gái 3 bông hoa đỏ và 2 bông hoa trắng.

Ngoài ra còn phải làm một ngôi nhà dành cho bà Mụ bằng nứa và có một ít gạo, tiền xu, trứng, rượu, và tiền, vàng giấy. Lễ cúng nhằm tạ ơn bà Mụ, mong bà phù hộ cho đứa trẻ khoẻ mạnh, hay ăn chóng lớn. Trong lễ cúng, thầy cúng sẽ dâng những bông hoa cho bà Mụ. Đồng bào cho rằng, làm thế để bà Mụ thấy hoa đẹp mà mãi chơi, không về quấy rầy đứa trẻ.

## 2. CHĂM SÓC SỨC KHOẺ CỘNG ĐỒNG

Hiện nay trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng nói chung, chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em nói riêng, người Dao Quần Chẹt kết hợp cả phương pháp truyền thống và y học hiện đại.

### 2.1. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo phương pháp truyền thống

#### 2.1.1. Quan niệm về sức khỏe và bệnh tật

Người Dao Quần Chẹt cho rằng, từ khi còn là bào thai con người ta đã có hồn (*hòn*) và vía (*pe*). Người phụ nữ có 3 hồn và 9 vía còn đàn ông thì có 3 hồn và 7 vía. Có sự khác biệt về vía giữa đàn ông và đàn bà vì theo quan niệm của đồng bào đàn ông nhịn ăn được 7 ngày là chết, còn đàn bà nhịn ăn được 9 ngày. Hồn chính của mỗi người nằm ở đầu vì đầu là vị trí cao nhất trong cơ thể.

Hồn và vía có ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe con người. Khi có đầy đủ tất cả các hồn và vía trong cơ thể thì người ta thấy khoẻ mạnh. Ngược lại một hồn hoặc vía đi chơi ban đêm bị lạc đường về hoặc bị các quan bên âm đi tuần bắt giữ thì sẽ ốm đau, bệnh tật.

Trong nguyên nhân gây ốm đau, bệnh tật, theo đồng bào ngoài việc lạc mất hồn, vía, còn do: con ma dữ gây hại (ma núi, ma rừng, ma suối...); ảnh hưởng của thời tiết; sự thay đổi của môi trường và dinh dưỡng không đảm bảo v.v.

### 2.1.2. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo phương pháp truyền thống

Việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đặc biệt chăm sóc sức khỏe phụ nữ trong thời kỳ mang thai, sinh đẻ và của trẻ em, họ thường dựa theo kinh nghiệm dân gian. Trong gia đình, phụ nữ là người chủ yếu chăm sóc sức khỏe cho các thành viên. Khi phụ nữ có thai, mẹ của họ sẽ chỉ bảo cho họ và những thành viên khác trong gia đình thực hiện những kiêng kị khi ăn uống, sinh hoạt và trong lao động để đảm bảo cho sức khỏe và sự an toàn của người mẹ và thai nhi.

Trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe, người Dao Quần Chẹt có nhiều kinh nghiệm sử dụng thuốc nam. Hầu như các gia đình đều biết những bài thuốc thông thường để nấu nước uống hàng ngày, nấu nước tắm cho sản phụ và trẻ em, chữa ho, hạ sốt, v.v... Những bài thuốc chữa trọng bệnh như: chữa các bệnh về gan, thận, v.v..., thì chỉ một số gia đình trong bản biết. Việc truyền nghề chữa những bệnh khó chỉ thực hiện trong phạm vi gia đình, còn việc chữa trị cho các thành viên trong cộng đồng thì "thầy thuốc" lại hết sức sẵn lòng. Để chữa trị, gia đình người bệnh không phải trả một khoản tiền thù lao nào cho "thầy thuốc". Chỉ khi chữa khỏi, gia đình người bệnh sẽ mang một lễ nhỏ đến nhà "thầy thuốc" để cúng vị thần cây thuốc. Theo đồng bào làm vậy, sau này cây thuốc dùng chữa bệnh mới hiệu nghiệm.

Gắn liền với quan niệm về sức khỏe, bệnh tật và nguyên nhân gây bệnh, trong chữa trị người Dao Quần Chẹt còn kết hợp với ma thuật chữa bệnh. Thầy cúng là người được dân làng kính trọng và tin tưởng. Theo đồng bào, thầy cúng có khả năng liên hệ với các lực lượng siêu nhiên, vì vậy sẽ biết được con ma nào, vị thần gì gây bệnh và cách chữa bệnh. Mặt khác, thầy cúng còn là người có nhiều kinh nghiệm dùng thuốc nam. Trong một năm, người Dao Quần Chẹt còn tổ chức những lễ cúng vào đầu năm mới hoặc khi thu hoạch xong để cầu sức khỏe cho gia đình.

Phòng và chữa bệnh bằng thuốc nam, sử dụng ma thuật và chăm sóc sức khỏe cộng đồng bằng kinh nghiệm dân gian ở người Dao Quần Chẹt được kết hợp với nhau, đặc biệt trong trường hợp trọng bệnh. Đến nay, trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng, bên cạnh dùng phương pháp truyền thống, người Dao Quần Chẹt đã kết hợp cả y học hiện đại.

## 2.2. Y học hiện đại trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngành y tế đã bắt tay ngay vào giải quyết những vấn đề cấp bách về bệnh

tật và nâng cao sức khoẻ cho nhân dân, bằng các giải pháp tích cực và hữu hiệu, như các phong trào:

- Phong trào năm dứt điểm:
  - + Ba công trình vệ sinh (hố xí, giếng nước, nhà tắm)
  - + Sinh đẻ có kế hoạch
  - + Trồng và sử dụng cây thuốc nam
  - + Quản lý sức khoẻ

Kiện toàn tổ chức y tế tuyến huyện, xã

- Phong trào sạch làng, tốt ruộng (Hồ Hữu Anh, 1997: 20).

Các trạm chuyên khoa được thành lập để làm công tác phòng chống dịch và các bệnh xã hội: Trạm vệ sinh phòng dịch, trạm sốt rét, trạm chống lao, trạm da liễu, trạm mắt. Hệ thống khám, chữa bệnh được hình thành và ngày càng được tăng cường và củng cố. Đặc biệt là đã xây dựng được mạng lưới y tế rộng khắp từ nông thôn đến thành thị, từ đồng bằng đến miền núi.

Như vậy, trên thực tế chăm sóc sức khoẻ ban đầu ở Việt Nam đã được thực hiện ngay sau khi nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ra đời và ngành Y tế Việt Nam được thành lập. Sau hội nghị quốc tế về vấn đề sức khoẻ tại Alma-Ata năm 1978, căn cứ vào tình hình thực tế của Việt Nam, Bộ y tế đã hoàn thiện mười nội dung chăm sóc sức khoẻ ban đầu:

1. Tuyên truyền giáo dục sức khoẻ
2. KIỆN TOÀN, Củng cố mạng lưới y tế cơ sở
3. Cung cấp nước sạch và làm sạch môi trường cơ bản
4. Tiêm chủng, chủ yếu là tiêm chủng mở rộng phòng sáu bệnh ở trẻ em: lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt và sởi.
5. Phòng chống dịch bệnh và các bệnh xã hội
6. Cải tiến bữa ăn, dinh dưỡng hợp lý và vệ sinh thực phẩm
7. Bảo vệ bà mẹ trẻ em và kế hoạch hoá gia đình
8. Chữa các bệnh và vết thương thông thường tại nhà
9. Cung cấp đầy đủ thuốc thiết yếu, chú trọng trồng và sử dụng cây thuốc nam, áp dụng rộng rãi các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc (xoay bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh, v.v.)
10. Quản lý sức khoẻ

Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng người Dao quần Chẹt nói riêng và đồng bào các dân tộc ở Tu Lý nói chung được quan tâm từ lâu. Bệnh xá xã đã được xây dựng từ năm 1967 với 5 giường bệnh. Đến năm 1992 Trung tâm y tế xã được xây lại với tổng diện tích sử dụng 90 m<sup>2</sup>, trong đó có một phòng khám bệnh, một phòng điều trị (6 giường), một phòng tiêm, một phòng dành riêng khám phụ khoa và đỡ đẻ (2 giường). Tủ thuốc của Trung tâm có các loại kháng sinh thông thường, thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, chống sốt, orezol, các loại vitamin. Đội ngũ cán bộ gồm bốn người: 1 y sĩ (trưởng trạm), 1 y tá, 1 dược sĩ và 1 nữ hộ sinh.

Trong năm 1997 có 2.031 lượt người đến khám tại trung tâm y tế, trong đó:

+ Điều trị nội trú : 33 người

Tổng số ngày điều trị nội trú : 171 ngày

+ Điều trị tại nhà : 1953 người.

+ Bệnh nhân nặng chuyển lên tuyến trên: 37 người.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được chú trọng. Trong nhiều năm qua ở xã không xảy ra dịch bệnh. Trong năm 1997, cả xã chỉ có 47 người điều trị sốt rét, trong đó một số là người đi làm ăn ở xa về. Cơ sở y tế cũng phát hiện và điều trị một trường hợp nhiễm lao. Số trẻ em được tiêm và uống đủ 6 loại vắc xin là 114/134 em, trẻ sơ sinh có cân nặng dưới 2500 gam chỉ có 1/130 em (Trung tâm y tế xã Tu Lý, 1997).

Về công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, xã có ban DS-KHHGĐ do chủ tịch UBND xã làm trưởng ban, 1 cán bộ chuyên trách và 11 cộng tác viên tại các xóm. Hàng tháng ban DS-KHHGĐ họp để trao đổi tình hình thực hiện KHHGĐ trong xóm và bàn phương hướng công tác. Đến năm 1996 dân số của xã là 5510 người. Tỷ lệ phát triển dân số đã hạ từ 2% (1994) xuống 1,8% (1995) và 1,76% (1996). Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ là 940; có 173 trường hợp đình sản (171 nữ, 2 nam), 277 phụ nữ đặt vòng, 1 phụ nữ sử dụng thuốc uống tránh thai và 66 cặp vợ chồng dùng bao cao su (Ban DS-KHHGĐ xã Tu Lý, 1997). Tại trung tâm y tế xã đã thực hiện khám và điều trị bệnh phụ khoa, đặt vòng, khám thai, đỡ đẻ. Hàng tháng đội kế hoạch hoá gia đình của huyện về đây để tiến hành biện pháp hút điều hoà kinh nguyệt, nạo thai nhỏ.

### 3. KẾT LUẬN

Ngày nay nhiều tập quán truyền thống trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ của người Dao Quần Chẹt ở xã Tu Lý vẫn được duy trì. Một trong những nguyên nhân để tập quán này tồn tại là bởi nó chứa đựng những quan niệm, ước vọng và mối quan hệ cộng đồng. Tập quán trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ còn thể hiện đặc trưng văn hoá của nhóm Dao Quần Chẹt ở xã Tu Lý và của tộc người Dao.

Với tập quán trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ, có tập quán có lợi cho sức khoẻ, như: việc chế biến món ăn bổ dưỡng cho sản phụ, sử dụng thuốc cổ truyền dân tộc để chữa bệnh và nâng cao sức khoẻ. Khi sinh đẻ, những kiêng kị cũng được đặt ra mà mục đích chủ yếu là để bảo vệ phụ nữ và trẻ em, tuy nhiên trên thực tế nó lại ảnh hưởng không tốt cho sức khoẻ, khi sản phụ phải thực hiện chế độ ăn kiêng rất chặt chẽ. Trong điều kiện các yếu tố văn hoá truyền thống đang mai một, nên chẳng cần phát huy những yếu tố tích cực trong tập quán sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ. Mặt khác, cần tuyên truyền, giáo dục nâng cao kiến thức người dân về chăm sóc sức khoẻ cộng đồng để từng bước hạn chế và xoá bỏ những tập tục ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ, từ đó nâng cao sức khoẻ người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đến nay, mặc dù cơ sở vật chất của Trung tâm y tế xã Tu Lý đã được nâng cấp, nhưng nhìn chung trang thiết bị và đội ngũ cán bộ y tế còn thiếu và nghèo nàn, chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Do đó, để công tác chăm sóc sức khoẻ cộng đồng đạt kết quả cao bên cạnh việc đầu tư trang thiết bị và nâng cao trình độ cán bộ y tế, cần khuyến khích nhân rộng vườn thuốc nam và tăng cường sử dụng y học cổ truyền.

### Tài liệu tham khảo

1. Hồ Hữu Anh. *Bài Giảng Y tế cộng đồng và chăm sóc sức khoẻ ban đầu Đại học Y khoa Thái Bình*, 1997.
2. Báo cáo tổng kết năm 1997 của Trung tâm y tế xã Tu Lý, Đà Bắc, Hoà Bình.
3. Báo cáo tổng kết năm 1997 của Ban DS-KHHGD xã Tu Lý, Đà Bắc, Hoà Bình.
4. Trần Bình. *Phụ nữ Xinh-mun với một số tập quán sinh đẻ và hạn chế sinh đẻ*, Tạp chí KHPN, số 2 / 1997, tr 55-60.
5. Nguyễn Anh Cường. *Trang phục cổ truyền của người Dao Quần Chẹt ở xã Tu Lý, Đà Bắc, Hoà Bình*, Báo cáo trình bày tại hội thảo "Các cộng đồng thiểu số trong môi trường chuyển đổi" Chiang Mai, Thailand 1998.
6. Khổng Diễn. *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội 1995.
7. Bế Việt Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến. *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội 1971.
8. Trần Văn Hà. *Vấn đề số con và số con thực tế ở gia đình người Dao xã Tu Lý, Đà Bắc, Hoà Bình*, Tạp chí DTH, số 2/1997, tr 49-55.
9. Trần Hồng Hạnh. *Y học cổ truyền của người Dao Quần Chẹt ở xã Tu Lý, Đà Bắc, Hoà Bình*, Báo cáo trình bày tại hội thảo "Các cộng đồng thiểu số trong môi trường chuyển đổi" Chiang Mai, Thailand 1998.